TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
HĐTS HỆ THƯỜNG XUYÊN NĂM 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02 TB-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 09 tháng 01 năm 2018

THÔNG BÁO TRÚNG TUYỂN
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ THƯỜNG XUYÊN KHÓA 12 NĂM 2017

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học.

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Căn cứ quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 06 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-ĐHTDM ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ thường xuyên khóa 12, năm 2017.

Hội đồng tuyển sinh họp ngày 08/01/2018 quyết định điểm trúng tuyển các ngành như sau:

1. Hình thức thi tuyển

TT	Ngành	Hệ đào tạo	Hình thức đào tạo	Điểm trúng tuyển	SL trúng tuyển	Ghi chú
1	Kế toán	Đại học liên thông	Chính quy	15	17	CĐ liên thông lên ĐH
2	Sinh học Ứng dụng	Đại học liên thông	Chính quy	15	16	CĐ liên thông lên ĐH
3	Vật lý học	Đại học liên thông	Chính quy	15	9	CĐ liên thông lên ĐH
4	Ngôn ngữ Anh	Đại học liên thông	Chính quy	15	10	CĐ liên thông lên ĐH
5	Ngôn ngữ Anh	Đại học Văn bằng 2	VLVH	10	44	
6	Luật	Đại học Văn bằng 2	VLVH	10	43	
7	Luật	Đại học	VLVH	15	24	
TỔNG					**163**	

- Điểm trúng tuyển trên áp dụng cho thí sinh không thuộc nhóm ưu tiên và thuộc khu vực 3.

2. Hình thức xét tuyển

- Phương thức xét tuyển:

+ Đối với hệ liên thông và Đại học VLVH: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 (học bạ cấp 3)

***Nguyên tắc xét tuyển:** Điểm xét tuyển là điểm trung bình của từng môn học trong tổ hợp các môn dùng để xét tuyển không nhỏ hơn **6.0.**

+ Đối với đại học văn bằng 2:

Xét tuyển các trường hợp sau:

Người đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy do Trường Đại học Thủ Dầu Một cấp có cùng nhóm ngành với ngành đăng ký xét tuyển;

Người đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính qui các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành khoa học tự nhiên đăng ký vào học ngành đào tạo mới hệ không chính qui thuộc nhóm ngành kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, ngoại ngữ;

Người đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính qui các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ đăng ký vào học ngành đào tạo mới hệ không chính qui thuộc nhóm ngành kinh tế, ngoại ngữ.

TT	Ngành	Hệ đào tạo	Hình thức đào tạo	SL trúng tuyển	Ghi chú
1	Kế toán	Đại học liên thông	Chính quy	17	CĐ liên thông lên ĐH
2	Sinh học Ứng dụng	Đại học liên thông	Chính quy	26	CĐ liên thông lên ĐH
3	Vật lý học	Đại học liên thông	Chính quy	20	CĐ liên thông lên ĐH
4	Ngôn ngữ Anh	Đại học liên thông	Chính quy	22	CĐ liên thông lên ĐH
5	Ngôn ngữ Anh	Đại học Văn bằng 2	VLVH	17	
7	Luật	Đại học	VLVH	21	
TỔNG				**123**	

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ
KỲ THI TUYỂN SINH HỆ THƯỜNG XUYÊN KHÓA 12 NĂM 2017

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới	Nơi sinh	ĐT	KV	D1	D2	D3	Tổng (đã làm tròn)	Trúng Tuyển
1	KT01.001	Nguyễn Ngọc	Bi	04/10/1991	Nam	Bình Dương		2NT	v	v	v		
2	KT01.002	Phạm Thị Hồng	Đào	29/01/1996	Nữ	Bình Dương		2NT	6.50	7.25	9.25	23.00	TT
3	KT01.003	Nguyễn Thị	Dung	09/04/1983	Nữ	Bình Dương		2	6.00	7.50	9.00	22.50	TT
4	KT01.004	Quách Thị Châu	Hậu	14/11/1993	Nữ	Bình Dương		2	5.00	6.75	6.00	18.00	TT
5	KT01.005	Lý Cẩm	Hồng	18/04/1996	Nữ	Sông Bé		2	5.25	5.00	5.00	15.50	TT
6	KT01.006	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	14/02/1996	Nữ	Bình Dương		2NT	6.25	8.00	8.25	22.50	TT
7	KT01.007	Ngô Thị Tuyết	Ngân	15/02/1996	Nữ	Bình Dương		2	6.25	9.25	7.50	23.00	TT
8	KT01.008	Trần Thị Ánh	Phương	13/05/1994	Nữ	Bình Dương		3	6.25	8.50	8.25	23.00	TT
9	KT01.009	Nguyễn Ngọc Lam	Quỳnh	04/10/1993	Nữ	Bình Dương		2	7.00	5.50	5.50	18.00	TT
10	KT01.010	Lê Thị Diệu	Tâm	21/09/1996	Nữ	Bình Dương		2NT	5.00	9.75	6.50	21.50	TT
11	KT01.011	Lê Thị Phương	Thảo	04/02/1996	Nữ	Bình Dương		2	6.75	9.50	6.75	23.00	TT
12	KT01.012	Lê Thị	Thức	01/09/1989	Nữ	Hà Tĩnh		1	5.00	9.00	7.50	21.50	TT
13	KT01.013	Nguyễn Anh	Tuấn	20/08/1992	Nam	Bình Dương		2	6.25	7.50	2.00	16.00	TT
14	KT01.014	Hoàng Minh	Tuyến	12/04/1989	Nam	Thanh Hóa		2NT	5.75	5.25	6.75	18.00	TT
15	KT01.015	Phan Thanh	Vũ	28/10/1990	Nam	Bình Dương		2	5.00	7.50	8.75	21.50	TT
16	KT01.016	Quách Thế	Vương	02/08/1986	Nam	Sông Bé		2	7.00	8.75	9.75	25.50	TT
17	KT01.017	Nguyễn Quốc Thanh	Vy	11/11/1996	Nữ	Bình Dương		2	5.75	7.50	7.75	21.00	TT
18	KT01.019	Nguyễn Hoàng Thanh	Xuân	30/01/1993	Nữ	Bình Dương		2	5.50	7.50	5.75	19.00	TT
19	SH01.001	Huỳnh Trọng	Hiếu	06/08/1993	Nam	Bình Dương		2	5.00	7.50	8.00	20.50	TT
20	SH01.002	Mai Thị Hoài	Hương	11/05/1990	Nữ	Bình Dương		2NT	v	v	v		
21	SH01.003	Trương Thị	Hường	20/04/1995	Nữ	Bình Thuận		2	9.25	5.50	10.00	25.00	TT
22	SH01.004	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	15/06/1992	Nữ	Bình Dương		2NT	5.00	5.50	8.50	19.00	TT
23	SH01.005	Lê Anh	Kiều	12/07/1990	Nữ	Bình Dương		2	10.00	8.25	9.75	28.00	TT
24	SH01.006	Lê Thị Trúc	Linh	10/03/1993	Nữ	Bình Dương		2NT	6.00	5.00	7.50	18.50	TT
25	SH01.007	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	29/05/1992	Nữ	Bình Dương		2NT	7.50	5.50	9.00	22.00	TT
26	SH01.008	Đặng Kiều	Oanh	25/12/1993	Nữ	Bình Dương		2NT	6.75	6.50	7.00	20.50	TT
27	SH01.009	Cao Thị	Thanh	02/06/1990	Nữ	Bình Dương		2NT	5.00	2.25	8.00	15.50	TT
28	SH01.010	Trần Đình	Thành	29/03/1991	Nam	Bình Dương		2NT	7.00	9.00	9.50	25.50	TT
29	SH01.011	Lê Văn	Thiện	15/10/1993	Nam	Bình Dương		2NT	8.75	7.50	7.00	23.50	TT
30	SH01.012	Phạm Thị Diệu	Thiện	03/02/1993	Nữ	Bình Dương		2NT	9.75	8.00	9.25	27.00	TT

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới	Nơi sinh	ĐT	KV	D1	D2	D3	Tổng (đã làm tròn)	Trúng Tuyển
31	SH01.013	Nguyễn Minh	Thuận	29/01/1990	Nam	Bình Dương		2	9.00	9.00	9.50	27.50	TT
32	SH01.014	Phạm Anh	Thúy	10/06/1993	Nữ	Bình Dương		2	7.50	5.50	9.75	23.00	TT
33	SH01.015	Nguyễn Mai Thu	Trang	16/05/1993	Nữ	Đồng Nai		2	2.50	5.00	9.00	16.50	TT
34	SH01.016	Phan Thị Mai	Trúc	14/01/1993	Nữ	Bình Dương		2	5.00	5.00	8.75	19.00	TT
35	SH01.017	Đỗ Thị Cẩm	Tuyên	08/08/1996	Nữ	Bình Dương		2	9.50	6.50	10.00	26.00	TT
36	VL01.001	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	24/11/1993	Nữ	Bình Dương		2	9.50	9.25	7.00	26.00	TT
37	VL01.002	Nguyễn Hoàng	Giang	16/10/1993	Nam	Bình Dương		2	9.75	7.75	9.00	26.50	TT
38	VL01.003	Đinh Thị	Kiều	09/07/1988	Nữ	Phú Yên		2NT	0.50	v	v		
39	VL01.004	Ung Thị Ngọc	Nga	30/03/1993	Nữ	Sông Bé		2	v	v	v		
40	VL01.005	Nguyễn Thị	Phương	17/03/1993	Nữ	Bình Dương		2NT	5.25	7.50	6.50	19.50	TT
41	VL01.006	Hoàng Trung	Thành	19/08/1993	Nam	Bình Dương		2NT	10.00	9.50	7.00	26.50	TT
42	VL01.007	Nguyễn Thị Kim	Thúy	30/09/1993	Nữ	Bình Dương		2	2.25	6.50	6.00	15.00	TT
43	VL01.008	Nguyễn Ngọc Như	Thủy	26/10/1993	Nữ	Bình Dương		2	10.00	9.00	8.75	28.00	TT
44	VL01.009	Võ Thị Tuyết	Trinh	20/04/1993	Nữ	Sông Bé		2NT	9.25	8.50	8.75	26.50	TT
45	VL01.010	Nguyễn Huỳnh	Vinh	22/04/1993	Nam	Bình Dương		2	8.25	7.25	6.75	22.50	TT
46	VL01.011	Đào Xuân	Việt	01/03/1992	Nam	Sông Bé		2NT	7.00	8.00	6.75	22.00	TT
47	LU01.C.001	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	13/04/1990	Nữ	Bình Dương		2	v	v	v		
48	LU01.C.002	Trần Hoàng	Anh	24/11/1989	Nam	Tiền Giang		2NT	5.00	v	v	5.00	
49	LU01.C.003	Bồ Thị Ngọc	Giàu	07/08/1985	Nữ	Bình Dương		2NT	6.50	9.75	7.75	24.00	TT
50	LU01.C.004	Nguyễn Thanh	Hậu	04/02/1997	Nữ	Bình Dương		2	6.50	6.50	8.50	21.50	TT
51	LU01.C.005	Nguyễn Văn	Hậu	02/07/1990	Nam	Tp. Hồ Chí Minh		2	6.00	7.25	8.50	22.00	TT
52	LU01.C.006	Trương Thị Ngọc	Huyền	29/09/1991	Nữ	Bình Dương		2	7.25	6.75	8.25	22.50	TT
53	LU01.C.007	Nguyễn Anh	Kiệt	30/01/1983	Nam	Bình Thuận		1	6.50	7.50	5.75	20.00	TT
54	LU01.C.008	Nguyễn Thành	Lễ	09/05/1993	Nam	Bình Dương		2	5.00	6.00	7.00	18.00	TT
55	LU01.C.009	Phạm Hoàng	Minh	10/11/1995	Nam	Bình Dương		2	5.00	6.50	8.50	20.00	TT
56	LU01.C.010	Trần Khánh	Ngọc	04/12/1996	Nữ	Bình Dương		2	6.75	5.00	8.50	20.50	TT
57	LU01.C.011	Đặng Thành	Nhân	10/10/1990	Nam	Bình Dương		2NT	7.50	5.25	8.00	21.00	TT
58	LU01.C.012	Trà Thanh	Phúc	10/04/1983	Nam	Bình Dương		2	5.25	2.50	7.00	15.00	TT
59	LU01.C.013	Nguyễn Thành	Phương	16/09/1985	Nam	Bình Dương		2	5.50	0.75	v	6.50	
60	LU01.C.014	Trần Hoàng	Quân	01/02/1994	Nam	Bình Dương		2	5.25	6.75	7.50	19.50	TT
61	LU01.C.015	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	26/05/1988	Nam	Bình Dương		2	7.00	8.00	9.00	24.00	TT
62	LU01.C.016	Nguyễn Thanh	Tâm	19/01/1991	Nam	Tp. Hồ Chí Minh		2	5.00	5.00	8.00	18.00	TT
63	LU01.C.017	Nguyễn Minh	Thành	06/08/1992	Nam	Bình Dương	03	2	5.00	5.00	7.00	17.00	TT
64	LU01.C.018	La Ngọc	Thảo	02/12/1994	Nữ	Bình Dương		2	6.00	7.00	7.50	20.50	TT
65	LU01.C.019	Lương Thị Quỳnh	Thư	26/03/1999	Nữ	Quảng Ninh		2	5.00	6.00	8.00	19.00	TT
66	LU01.C.020	Nguyễn Văn	Tiến	13/02/1994	Nam	Bình Dương		2	5.00	6.00	7.50	18.50	TT

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới	Nơi sinh	ĐT	KV	D1	D2	D3	Tổng (đã làm tròn)	Trúng Tuyển
67	LU01.C.021	Huỳnh Minh	Triết	27/05/1986	Nam	Bình Dương		2	5.00	6.25	8.50	20.00	TT
68	LU01.C.022	Nguyễn Thanh	Tuấn	20/11/1993	Nam	Bình Dương		2	5.00	8.25	6.00	19.50	TT
69	LU01.C.023	Phạm Khắc	Vinh	22/02/1989	Nam	Bình Dương		2	3.50	7.50	8.50	19.50	TT
70	LU01.C.024	Phạm Quang Ngọc	Yến	28/04/1985	Nữ	Bình Dương		3	3.00	6.25	8.25	17.50	TT
71	LU01.C.025	Nguyễn Trọng	Hưng	06/03/1982	Nam	Bình Dương		2	v	v	v		
72	LU01.C.026	Võ Thanh	Duy	12/06/1988	Nam	Bình Dương		2	5.00	9.00	9.25	23.50	TT
73	LU01.C.027	Trịnh Thị Huyền	Trang	20/07/1993	Nữ	Sông Bé		2	3.50	8.00	8.00	19.50	TT
74	LU01.D1.001	Nguyễn Ngọc Hoàng	An	05/02/1989	Nam	Bình Phước		2	2.50	5.50	3.00	11.00	
75	LU01.D1.002	Hồ Minh	Hiệp	16/08/1994	Nam	Bình Dương		2	6.25	6.00	8.75	21.00	TT
76	NA01.001	Nguyễn Thị	Cúc	25/05/1991	Nữ	Hà Tĩnh		2NT	v	v	v		
77	NA01.002	Phan Phương	Duy	04/03/1994	Nữ	Bình Dương		2NT	5.00	5.00	7.00	17.00	TT
78	NA01.003	Ngô Thị	Hằng	24/01/1992	Nữ	Sông Bé		1	5.50	3.50	5.00	14.00	TT
79	NA01.004	Nguyễn Thị Mai	Hoa	01/06/1992	Nữ	Hà Tĩnh		2NT	5.00	5.50	5.75	16.50	TT
80	NA01.005	Phùng Thị Ngọc	Huyền	22/10/1992	Nữ	Bình Dương		3	5.00	5.00	5.25	15.50	TT
81	NA01.006	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	24/09/1976	Nữ	Bình Dương		2	5.25	5.00	7.50	18.00	TT
82	NA01.007	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	1991	Nữ	Bình Dương		2	5.00	5.00	5.00	15.00	TT
83	NA01.008	Ninh Thị Ngọc	Lan	07/01/1993	Nữ	Ninh Bình		2NT	v	v	v		
84	NA01.009	Nguyễn Thị Thu	Ngân	15/07/1978	Nữ	Bình Dương		2NT	9.00	8.50	7.50	25.00	TT
85	NA01.010	Trương Thị Bảo	Quyên	28/07/1995	Nữ	Bình Dương		2NT	7.00	8.00	7.75	23.00	TT
86	NA01.011	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	10/01/1993	Nữ	Bình Dương		2	v	v	v		
87	NA01.012	Huỳnh Ngọc Phương	Trang	15/07/1993	Nữ	Bình Dương		2	5.00	5.50	7.75	18.50	TT
88	NA01.013	Nguyễn Thanh	Trúc	21/10/1993	Nữ	Bình Dương		2NT	5.00	5.75	6.75	17.50	TT
89	LU02.001	Lương Phạm Duy	Anh	23/10/1985	Nam	Sông Bé		2	6.00	7.50		13.50	TT
90	LU02.002	Nguyễn Trần Trân	Châu	22/09/1995	Nữ	Đồng Nai		3	7.50	9.50		17.00	TT
91	LU02.003	Lê Đức	Cường	08/12/1990	Nam	Thanh Hóa		1	5.50	9.50		15.00	TT
92	LU02.004	Trần Chí	Cường	15/07/1988	Nam	Bình Dương		2	7.00	7.50		14.50	TT
93	LU02.005	Huỳnh Quốc	Cường	30/05/1991	Nam	Bình Dương		2	7.25	5.50		13.00	TT
94	LU02.006	Nguyễn Anh	Đây	08/08/1991	Nam	Quảng Bình		1	5.75	8.50		14.50	TT
95	LU02.007	Lê Thị Hoàng	Dung	01/08/1992	Nữ	Nghệ An	06	1	5.00	7.50		12.50	TT
96	LU02.008	Tạ Quang	Dũng	05/12/1988	Nam	Bình Định		2	v	v			
97	LU02.009	Nguyễn Khương	Duy	07/12/1992	Nam	Sông Bé		2	6.00	5.00		11.00	TT
98	LU02.010	Nguyễn Anh Ngọc	Hân	08/11/1979	Nữ	Bình Dương		2	5.50	9.50		15.00	TT
99	LU02.011	Nguyễn Thị Thu	Hằng	20/05/1983	Nữ	Hà Tĩnh		1	7.00	7.25		14.50	TT
100	LU02.012	Lê Minh	Hạnh	23/02/1984	Nam	Thanh Hóa		1	5.00	9.50		14.50	TT
101	LU02.013	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	15/10/1983	Nữ	Bình Dương		2	v	v			
102	LU02.015	Nguyễn Minh	Hoàng	21/11/1994	Nam	Sông Bé		2	5.00	8.75		14.00	TT

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới	Nơi sinh	ĐT	KV	D1	D2	D3	Tổng (đã làm tròn)	Trúng Tuyển
03	LU02.016	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	01/01/1994	Nữ	Bình Dương		2	5.00	5.50		10.50	TT
04	LU02.017	Trần Thị Mỹ	Huyền	04/01/1990	Nữ	Sông Bé		2	7.00	9.50		16.50	TT
05	LU02.018	Hồ Thị Như	Huỳnh	02/07/1989	Nữ	Bình Dương		2	6.00	9.50		15.50	TT
06	LU02.019	Nguyễn Hữu Trường	Lâm	05/10/1988	Nam	Tp. Hồ Chí Minh		3	6.00	4.25		10.50	TT
07	LU02.020	Phạm Thị Kim	Loan	15/05/1990	Nữ	Bình Dương		2NT	6.50	5.50		12.00	TT
08	LU02.021	Đinh Thị Thanh	Loan	30/03/1985	Nữ	Sông Bé		2	5.50	9.25		15.00	TT
09	LU02.022	Phạm Hồng	Lộc	15/01/1988	Nam	Bình Dương		2	6.00	9.50		15.50	TT
10	LU02.023	Nguyễn Hoàng	Long	14/09/1993	Nam	Bình Dương		2	1.00	7.75		9.00	
11	LU02.024	Phan Hoài	Nam	06/02/1991	Nam	Bình Dương		2	6.50	9.50		16.00	TT
12	LU02.025	Phạm Thị Mỹ	Nhiên	01/01/1990	Nữ	Bình Dương		2	7.00	7.25		14.50	TT
13	LU02.026	Lữ Tiến	Phát	04/07/1994	Nam	Sông Bé		3	5.00	7.50		12.50	TT
14	LU02.027	Nguyễn Thị Kim	Phương	1991	Nữ	Bình Dương		2	6.00	6.00		12.00	TT
15	LU02.028	Đinh Thị Thanh	Phương	05/02/1991	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh		2	2.00	8.25		10.50	TT
16	LU02.029	Nguyễn Ngọc Trúc	Phương	18/06/1993	Nữ	Bình Dương		2	3.50	9.25		13.00	TT
17	LU02.030	Phạm Ngọc Hương	Quỳnh	13/10/1991	Nữ	Bình Dương		2	5.00	8.75		14.00	TT
18	LU02.031	Vũ Văn	Sĩ	29/04/1993	Nam	Bình Dương		2NT	5.50	8.50		14.00	TT
19	LU02.032	Nguyễn Trần Quý	Tài	26/06/1992	Nam	Sông Bé		2	6.00	6.50		12.50	TT
20	LU02.033	Hồ Hữu Anh	Tâm	14/02/1994	Nam	Bình Dương		2	6.50	7.25		14.00	TT
21	LU02.034	Đoàn Ngọc Như	Tâm	11/10/1982	Nữ	Bình Dương		2	6.00	7.00		13.00	TT
22	LU02.035	Vương Thanh	Thanh	27/02/1990	Nữ	Bình Dương	06	2	v	v			
23	LU02.036	Nguyễn Ngọc	Thịnh	06/01/1986	Nam	Bình Dương		2	6.00	9.25		15.50	TT
24	LU02.037	Lê Thị Hoài	Thu	20/10/1990	Nữ	Bình Dương		2	5.50	9.50		15.00	TT
25	LU02.038	Hồ Minh	Thương	07/09/1982	Nam	Bình Dương		2	3.50	8.50		12.00	TT
26	LU02.039	Trần Ngọc	Trâm	06/07/1994	Nữ	Hà Tĩnh		2	5.50	6.50		12.00	TT
27	LU02.040	Đoàn Diệp Minh	Trân	12/04/1994	Nữ	Bình Dương		2	7.00	6.25		13.50	TT
28	LU02.041	Trần Thị Kim	Trăng	27/07/1983	Nữ	Bình Định		2	v	v			
29	LU02.042	Huỳnh Minh	Trọng	19/06/1985	Nam	Bình Dương		2	5.50	9.50		15.00	TT
30	LU02.043	Hồ Đặng Minh	Trọng	03/08/1990	Nam	Bình Dương		2	5.50	5.75		11.50	TT
31	LU02.044	Phan Văn	Út	02/02/1969	Nam	Bình Dương		2	v	v			
32	LU02.045	Hấu Cún	Mùi	24/05/1983	Nữ	Đồng Nai		2NT	6.50	9.00		15.50	TT
33	LU02.046	Phạm Hạ	Nhi	23/05/1995	Nữ	Bình Dương		1	5.50	9.25		15.00	TT
34	LU02.047	Võ Nguyễn Trúc	Huỳnh	29/08/1994	Nữ	Bình Dương		2	6.00	8.75		15.00	TT
35	LU02.048	Lê Kim	Quý	16/06/1993	Nữ	Đồng Nai		2	7.00	7.75		15.00	TT
36	LU02.049	Nguyễn Kiều	My	09/03/1994	Nữ	Sông Bé		2	5.00	9.25		14.50	TT
37	LU02.050	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	04/02/1974	Nữ	Bình Dương		2	3.50	9.25		13.00	TT
38	NA02.001	Lê Thị	Chăm	09/09/1977	Nữ	Nam Định		2	5.50	7.00		12.50	TT

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới	Nơi sinh	ĐT	KV	D1	D2	D3	Tổng (đã làm tròn)	Trúng Tuyển
139	NA02.002	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	05/11/1988	Nữ	Quảng Trị		2	7.00	9.00		16.00	TT
140	NA02.003	Trương Thị Hồng	Diệu	04/12/1982	Nữ	Bình Dương		2	7.00	6.00		13.00	TT
141	NA02.004	Mai Thị Ngọc	Giàu	10/03/1993	Nữ	Tây Ninh		2NT	v	v			
142	NA02.005	Nguyễn Hồ Thanh	Hà	04/04/1991	Nữ	Sông Bé		3	5.00	9.50		14.50	TT
143	NA02.006	Trần Thị Thanh	Hằng	22/11/1985	Nữ	Hà Tĩnh		1	7.00	6.00		13.00	TT
144	NA02.007	Phạm Thị Bích	Hạnh	10/01/1985	Nữ	Ninh Thuận		2	6.50	7.50		14.00	TT
145	NA02.008	Huỳnh Thị Bắc	Hạnh	14/03/1974	Nữ	Hà Bắc		2	v	v			
146	NA02.009	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	15/11/1979	Nữ	Sông Bé		2	5.50	5.50		11.00	TT
147	NA02.010	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	20/07/1989	Nữ	Quảng Ngãi		2NT	7.00	7.00		14.00	TT
148	NA02.011	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	10/02/1990	Nữ	Bình Dương		2	5.00	8.50		13.50	TT
149	NA02.012	Đinh Thị	Hòa	29/02/1980	Nữ	Đồng Nai		2	8.00	8.50		16.50	TT
150	NA02.013	Nguyễn Thị Thu	Hồng	1992	Nữ	Bình Dương		2	v	v			
151	NA02.014	Phan Thị	Hồng	08/09/1991	Nữ	Bắc Giang		2NT	7.00	8.50		15.50	TT
152	NA02.015	Nguyễn Đăng	Khoa	13/07/1990	Nam	Tp. Hồ Chí Minh		3	8.50	9.00		17.50	TT
153	NA02.016	Nguyễn Đình	Kỳ	07/07/1979	Nam	Hà Tĩnh		1	8.00	7.50		15.50	TT
154	NA02.017	Trương Thị Hồng	Lam	28/08/1990	Nữ	Quảng Ngãi		2NT	7.00	8.00		15.00	TT
155	NA02.018	Lê Thị Hồng	Liễu	25/12/1989	Nữ	Khánh Hòa		2NT	7.75	9.00		17.00	TT
156	NA02.019	Võ Thị Tuyết	Mai	12/03/1991	Nữ	Bình Dương		2	7.00	7.00		14.00	TT
157	NA02.020	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	09/09/1983	Nữ	Lâm Đồng		1	v	v			
158	NA02.021	Nguyễn Hoàng	Minh	01/03/1990	Nam	Bạc Liêu		1	5.00	7.00		12.00	TT
159	NA02.022	Hồ Thị Thúy	Ngân	01/01/1988	Nữ	Bình Dương		2	5.00	8.50		13.50	TT
160	NA02.023	Huỳnh Giang Trọng	Nghĩa	20/02/1982	Nữ	Sông Bé		2	5.50	6.50		12.00	TT
161	NA02.024	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	14/09/1982	Nữ	Sông Bé		2	6.00	8.00		14.00	TT
162	NA02.025	Đào Thị	Nguyệt	16/03/1985	Nữ	Nam Định		2NT	v	v			
163	NA02.026	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	04/03/1989	Nữ	Đồng Nai		2	v	v			
164	NA02.027	Hán Thị Hồng	Nhung	10/09/1987	Nữ	Lâm Đồng		2	5.50	7.50		13.00	TT
165	NA02.028	Ngô Thị Kiều	Oanh	19/09/1987	Nữ	Trà Vinh		1	7.00	8.50		15.50	TT
166	NA02.029	Võ Nguyễn Diễm	Phúc	24/03/1988	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh		1	5.25	7.00		12.50	TT
167	NA02.030	Phạm Tấn	Phước	23/01/1985	Nam	Bình Dương		2	6.50	7.50		14.00	TT
168	NA02.031	Nguyễn Đắc	Thái	28/10/1982	Nam	Bắc Ninh		1	5.75	7.50		13.50	TT
169	NA02.032	Nguyễn Thanh	Thảo	03/12/1991	Nữ	Bình Dương		2	v	v			
170	NA02.033	Trần Thị	Thủy	10/08/1981	Nữ	Nghệ An		2NT	5.75	3.50		9.50	TT
171	NA02.034	Trương Thị Thủy	Tiên	01/05/1989	Nữ	Đồng Nai		2	5.00	8.00		13.00	TT
172	NA02.035	Nguyễn Quỳnh	Trang	01/04/1989	Nữ	Nghệ An		2	6.25	9.00		15.50	TT
173	NA02.036	Trương Thị Thanh	Trúc	11/07/1984	Nữ	Tiền Giang		2NT	6.25	8.50		15.00	TT
174	NA02.037	Lê Thị Kim	Út	30/01/1973	Nữ	Bình Dương		2	6.75	8.00		15.00	TT

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới	Nơi sinh	ĐT	KV	D1	D2	D3	Tổng (đã làm tròn)	Trúng Tuyển
175	NA02.038	Nguyễn Thị Bích	Vân	19/12/1982	Nữ	Bình Dương		2NT	5.75	7.50		13.50	TT
176	NA02.039	Ngô Thiên	Vân	07/07/1984	Nữ	Nam Định		2	6.00	8.00		14.00	TT
177	NA02.040	Đỗ Thị Hồng	Vy	01/04/1985	Nữ	Bến Tre		2NT	5.75	8.00		14.00	TT
178	NA02.041	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	28/01/1979	Nữ	Hà Tĩnh		1	6.50	7.50		14.00	TT
179	NA02.042	Đinh Thị	Yến	18/05/1982	Nữ	Quảng Bình		1	6.25	8.00		14.50	TT
180	NA02.043	Phan Thị	Lý	12/10/1985	Nữ	Hà Tĩnh		2NT	7.00	8.00		15.00	TT
181	NA02.044	Trần Đăng	Khoa	12/10/1991	Nam	Bình Dương		2	5.00	7.50		12.50	TT
182	NA02.045	Hà Thị Phương	Trang	24/02/1982	Nữ	Bình Dương		2	5.50	7.50		13.00	TT
183	NA02.046	Huỳnh Đức	Hiếu	20/12/1982	Nam	Bình Dương		2	5.50	8.50		14.00	TT
184	NA02.047	Đinh Thị Ngọc	Lan	20/10/986	Nữ	Bình Thuận		1	6.00	5.50		11.50	TT
185	NA02.048	Vũ Hoàng	Diệp	17/07/1987	Nữ	Nam Định		2NT	6.25	7.50		14.00	TT
186	NA02.049	Phan Thị	Trà	17/8/1984	Nữ	Hà Tĩnh		1	7.25	5.00		12.50	TT
187	NA02.050	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	27/10/1989	Nữ	TP.HCM		1	6.25	9.00		15.50	TT
188	NA02.051	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	05/05/1991	Nữ	Đồng Tháp		2NT	6.00	8.00		14.00	TT

Danh sách này có 188 thí sinh

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

PGS-TS. Nguyễn Văn Hiên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ THƯỜNG XUYÊN ĐỢT 2 NĂM 2017

NHÀNH: **LUẬT**
HỆ: **ĐẠI HỌC**
HÌNH THỨC: **VỪA LÀM VỪA HỌC**

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI	NƠI SINH	ĐT	KV	M1	Đ1	M2	Đ2	M3	Đ3	MÃ	KẾT QUẢ XÉT TUYỂN
1	Nguyễn Thị Hồng	Châu	19/02/1985	Nữ	Bình Dương		2	Toán	6.0	Văn	7.0	Anh	6.2	D01	Đạt
2	Lê Thái	Dương	27/01/1988	Nữ	Bình Dương		2	Văn	8.0	Sử	7.9	Địa	9.0	C00	Đạt
3	Nguyễn Minh	Đức	08/11/1971	Nam	Hà Nội		2	Văn	6.5	Sử	7.9	Địa	6.8	C00	Đạt
4	Nguyễn Ngọc Hoàng	Giang	11/09/1996	Nam	Bình Dương		2	Văn	7.4	Sử	7.3	Địa	7.5	C00	Đạt
5	Hồ Thị Kim	Linh	12/01/1995	Nữ	Tiền Giang		2NT	Văn	6.5	Sử	7.2	Địa	6.0	C00	Đạt
6	Trương Phương	Linh	11/06/1999	Nữ	Bình Dương		2	Văn	6.9	Sử	6.8	Địa	7.9	C00	Đạt
7	Nguyễn Thanh	Loan	04/03/1996	Nữ	Bình Dương		2	Văn	6.5	Sử	6.1	Địa	6.6	C00	Đạt
8	Trần Hà	Mai	05/05/1998	Nữ	TP.HCM		2	Văn	7.1	Sử	7.6	Địa	7.1	C00	Đạt
9	Võ Thị Thu	Ngân	09/03/1999	Nữ	Bình Dương		2NT	Văn	6.4	Sử	6.4	Địa	6.5	C00	Đạt
10	Trần	Phong	19/11/1997	Nam	Bình Dương		2	Văn	7.4	Sử	8.7	Địa	8.1	C00	Đạt
11	Nguyễn Thanh	Phong	25/01/1995	Nam	Bình Dương		2	Văn	6.5	Sử	7.9	Địa	8.8	C00	Đạt
12	Mai Thị Xuân	Quyên	02/02/1989	Nữ	Bình Phước		2	Văn	6.4	Sử	7.1	Địa	7.3	C00	Đạt
13	Phan Đức	Tài	25/04/1995	Nam	Bình Dương		2	Văn	6.9	Sử	7.4	Địa	6.0	C00	Đạt
14	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	16/09/1991	Nữ	TP.HCM		2	Văn	6.3	Sử	7.8	Địa	6.4	C00	Đạt
15	Đoàn Trần Thanh	Thanh	12/05/1996	Nữ	Bình Dương		2	Văn	6.4	Sử	6.7	Địa	6.5	C00	Đạt

16	Nguyễn Phú Gia	Thịnh	06/11/991	Nam	Bình Dương		2	Toán	6.9	Văn	6.1	Anh	9.0	C00	Đạt
17	Lâm Thị Kim	Thoa	20/12/1986	Nữ	Bình Dương		2	Văn	7.0	Sử	6.3	Địa	6.8	C00	Đạt
18	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	28/12/1992	Nữ	Bình Dương		2	Văn	6.4	Sử	8.5	Địa	7.2	C00	Đạt
19	Bùi Thanh	Trúc	10/03/1990	Nữ	TP.HCM		3	Văn	7.2	Sử	7.7	Địa	7.1	C00	Đạt
20	Trần Anh	Trung	06/11/1996	Nam	Đồng Nai		2	Văn	6.8	Sử	6.3	Địa	6.7	C00	Đạt
21	Nguyễn Thị Hà	Uyên	02/12/1999	Nữ	TP.HCM		2	Văn	6.8	Sử	8.0	Địa	8.3	C00	Đạt

Danh sách này có 21 thí sinh

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

PGS-TS. Nguyễn Văn Hiện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ THƯỜNG XUYÊN ĐỢT 2 NĂM 2017

NHÀNH: **KẾ TOÁN**
HỆ: **ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG** (Cao đẳng liên thông lên đại học)
HÌNH THỨC: **CHÍNH QUY**

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI	NƠI SINH	ĐT	KV	M1	Đ1	M2	Đ2	M3	Đ3	MÃ	KẾT QUẢ XÉT TUYỂN
1	Nguyễn Thị Thùy	Dung	28/06/1990	Nữ	Bình Dương		2	Toán	6.7	Lý	7.0	Hóa	7.5	A00	Đạt
2	Lê Thị Ngọc	Hà	09/11/1994	Nữ	Thanh Hóa		1	Toán	6.5	Lý	6.1	Anh	6.8	A01	Đạt
3	Trịnh Xuân	Hào	17/05/1993	Nam	Thanh Hóa		2NT	Toán	7.4	Lý	6.4	Hóa	6.1	A00	Đạt
4	Nguyễn Văn	Hưng	16/08/1992	Nam	Thái Bình		2NT	Toán	7.7	Lý	8.3	Hóa	8.1	A00	Đạt
5	Đinh Thị Tuyết	Linh	27/06/1996	Nữ	Bình Dương		2	Toán	6.4	Lý	7.4	Hóa	6.1	A00	Đạt
6	Ung Thị	Mơ	16/04/1994	Nữ	Sông Bé		2	Toán	7.6	Lý	6.5	Hóa	6.1	A00	Đạt
7	Võ Thị Thanh	Nga	20/02/1996	Nữ	Bình Dương		2	Toán	6.9	Lý	6.4	Hóa	6.2	A00	Đạt
8	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	02/08/1994	Nữ	Sông Bé		2NT	Toán	7.4	Lý	6.8	Hóa	6.6	A00	Đạt
9	Nguyễn Thị	Sương	01/1996	Nữ	Bình Phước		1	Toán	7.7	Lý	7.4	Hóa	7.6	A00	Đạt
10	Nguyễn Thị Phương	Thảo	14/07/1991	Nữ	Lâm Đồng		1	Toán	6.7	Lý	6.5	Hóa	6.9	A00	Đạt
11	Trịnh Thị	Thu	16/07/1992	Nữ	Nghệ An		2NT	Toán	7.4	Lý	7.4	Hóa	6.6	A00	Đạt
12	Phan Diệu	Thủy	25/02/1982	Nữ	Bình Dương		2	Toán	7.9	Lý	8.8	Hóa	8.6	A00	Đạt
13	Nguyễn Anh	Thư	02/03/1994	Nữ	Bình Dương		3	Toán	8.0	Lý	7.0	Hóa	6.8	A00	Đạt
14	Lê Thị Thu	Trúc	03/11/1991	Nữ	Đồng Nai		2	Toán	8.4	Lý	7.2	Hóa	7.1	A00	Đạt
15	Nguyễn Thanh	Trúc	11/11/1991	Nữ	Bình Dương		2	Toán	9.0	Lý	8.3	Hóa	8.0	A00	Đạt

16	Nguyễn Ngọc	Xuân	05/03/1996	Nữ	Bình Dương		2	Toán	8.0	Lý	6.5	Hóa	7.4	A00	Đạt
17	Trịnh Thị	Xuân	02/01/1992	Nữ	Thanh Hóa		2NT	Toán	8.6	Lý	7.3	Hóa	7.5	A00	Đạt

Danh sách này có 17 thí sinh

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

PGS-TS. Nguyễn Văn Hiện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ THƯỜNG XUYÊN ĐỢT 2 NĂM 2017

NHÀNH: **VẬT LÝ HỌC**
HỆ: **ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG** (Cao đẳng liên thông lên đại học)
HÌNH THỨC: **CHÍNH QUY**

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI	NƠI SINH	ĐT	KV	M1	Đ1	M2	Đ2	M3	Đ3	MÃ	KẾT QUẢ XÉT TUYỂN
1	Trần Thị Hải	Âu	15/10/1993	Nữ	Bình Dương		2NT	Toán	7.5	Lý	6.9	Hóa	8.0	A00	Đạt
2	Đỗ Tuấn	Cảnh	06/08/1995	Nam	Bình Dương		2NT	Toán	6.5	Lý	6.5	Hóa	6.6	A00	Đạt
3	Ngô Thanh	Hương	29/12/1985	Nữ	Bình Dương		2	Toán	7.7	Lý	8.9	Hóa	9.1	A00	Đạt
4	Phạm Thị Oanh	Kiều	21/09/1993	Nữ	Bình Dương		2NT	Toán	8.6	Lý	8.0	Hóa	8.8	A00	Đạt
5	Phạm Thị Trúc	Ly	06/11/1987	Nữ	Bến Tre		2NT	Toán	9.1	Lý	8.3	Hóa	7.9	A00	Đạt
6	Nguyễn Tiến	Nam	03/02/1994	Nam	Bình Dương		2	Toán	7.0	Lý	9.2	Hóa	6.8	A00	Đạt
7	Trần Thị Thanh	Nhàn	25/12/1993	Nữ	Sông Bé		2	Toán	7.3	Lý	6.2	Văn	6.8	A01	Đạt
8	Nguyễn Hoài	Nhân	06/12/1995	Nam	Bình Dương		2	Toán	6.2	Lý	7.2	Anh	7.3	A01	Đạt
9	Phạm Thị	Nhung	29/01/1983	Nữ	Bình Dương		2	Toán	6.7	Lý	6.6	Hóa	6.8	A00	Đạt
10	Lê Thành	Sang	05/08/1985	Nam	Bình Dương		2NT	Toán	7.1	Lý	7.0	Hóa	6.2	A00	Đạt
11	Dương Thị Bích	Thảo	28/03/1991	Nữ	Thừa Thiên Huế		2	Toán	6.0	Lý	7.9	Hóa	7.2	A00	Đạt
12	Dương Thị Kim	Thoa	1989	Nữ	Bình Dương		2	Toán	7.9	Lý	8.8	Hóa	7.1	A00	Đạt
13	Đỗ Thị Kim	Thoa	28/04/1993	Nữ	Bình Dương		2	Toán	7.2	Lý	6.6	Hóa	6.5	A00	Đạt
14	Hồ Thị Mỹ	Thu	21/04/1995	Nữ	Sông Bé		2	Toán	7.5	Lý	7.8	Hóa	6.7	A00	Đạt
15	Đặng Thị Bích	Thuận	03/06/1993	Nữ	Bình Dương		2	Toán	7.5	Văn	7.5	Lý	7.0	C01	Đạt

16	Bùi Thị Huyền	Trang	09/02/1994	Nữ	Bình Dương		2	Toán	7.8	Lý	7.8	Anh	6.6	A01	Đạt
17	Kim Thị Kiều	Trang	27/12/1993	Nữ	Sông Bé		2NT	Toán	7.1	Lý	6.1	Hóa	6.4	A00	Đạt
18	Nguyễn Thị Thúy	Trinh	21/09/1994	Nữ	Bình Dương		2NT	Toán	7.1	Lý	6.5	Hóa	6.3	A00	Đạt
19	Lê Thị Tường	Vi	14/04/1992	Nữ	Nam Định		1	Toán	6.1	Lý	6.6	Hóa	7.9	A00	Đạt
20	Bùi Phượng	Vỹ	05/01/1995	Nữ	Bình Dương		2	Toán	6.7	Lý	7.8	Hóa	6.1	A00	Đạt

Danh sách này có 20 thí sinh

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ THƯỜNG XUYÊN ĐỢT 2 NĂM 2017

NHÀNH: **SINH HỌC ỨNG DỤNG**
HỆ: **ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG** (Cao đẳng liên thông lên đại học)
HÌNH THỨC: **CHÍNH QUY**

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI	NƠI SINH	ĐT	KV	M1	Đ1	M2	Đ2	M3	Đ3	MÃ	KẾT QUẢ XÉT TUYỂN
1	Huỳnh Ngọc	Anh	15/08/1993	Nữ	Bình Dương		2NT	Toán	9.0	Lý	7.4	Hóa	9.0	A00	Đạt
2	Nguyễn Ngọc	Anh	31/03/1990	Nữ	Tây Ninh		2	Toán	6.5	Hóa	7.1	Sinh	7.7	B00	Đạt
3	Lê Thị Ngọc	Ánh	15/10/1987	Nữ	Quảng Trị		2NT	Toán	7.1	Lý	7.4	Hóa	7.2	A00	Đạt
4	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/12/1989	Nữ	Bình Dương		2NT	Toán	6.3	Lý	6.0	Sinh	7.2	A02	Đạt
5	Nguyễn Thanh	Bình	13/11/1994	Nam	Bình Dương		2NT	Toán	6.3	Hóa	6.3	Sinh	7.4	B00	Đạt
6	Nguyễn Quốc	Cát	08/09/1985	Nam	Bình Dương		2NT	Toán	7.7	Hóa	8.7	Sinh	8.1	B00	Đạt
7	Đỗ Lương Ngọc	Châu	07/07/1991	Nữ	Bình Dương		2	Toán	7.6	Lý	6.0	Hóa	7.1	A00	Đạt
8	Đoàn Minh	Đức	12/07/1995	Nam	Bình Dương		2	Toán	7.5	Lý	6.2	Hóa	6.6	A00	Đạt
9	Trần Hồng	Hạnh	28/02/1994	Nữ	Bình Dương		2	Toán	8.2	Hóa	7.7	Sinh	8.3	B00	Đạt
10	Nguyễn Thu	Hiền	25/08/1995	Nữ	Bình Dương		2	Toán	8.3	Hóa	6.4	Sinh	6.5	B00	Đạt
11	Đỗ Chí	Lành	26/04/1994	Nam	Bến Tre		2NT	Toán	7.3	Hóa	7.2	Sinh	6.4	B00	Đạt
12	Trần Nhật	Linh	25/11/1993	Nữ	Bình Dương		2	Toán	6.5	Hóa	7.9	Sinh	8.9	B00	Đạt
13	Cao Văn	Luân	12/08/1995	Nam	Bình Dương		2NT	Toán	7.8	Hóa	7.1	Sinh	8.1	B00	Đạt
14	Phạm Thị Ngọc	Mỹ	25/09/1993	Nữ	Bình Dương		2NT	Toán	7.0	Hóa	6.5	Sinh	7.1	B00	Đạt
15	Lê Thị	Ngọc	05/02/1993	Nữ	Thanh Hóa		2	Toán	6.5	Lý	6.7	Sinh	6.1	A02	Đạt

16	Trần Thị Ngọc	Như	16/07/1995	Nữ	Bình Phước		1	Toán	8.5	Hóa	8.3	Sinh	7.5	B00	Đạt
17	Trần Thị Thanh	Phương	22/08/1994	Nữ	Sông Bé		2	Toán	7.8	Lý	6.3	Sinh	6.9	A02	Đạt
18	Bùi Thị	Quyên	22/11/1983	Nữ	Hưng Yên		2	Toán	8.0	Hóa	7.5	Sinh	7.2	B00	Đạt
19	Lê Thị	Tâm	07/02/1993	Nữ	Phú Yên		2NT	Toán	6.5	Lý	7.3	Sinh	7.8	A02	Đạt
20	Mang Thị Thủy	Tiên	20/09/1992	Nữ	Tây Ninh		1	Toán	6.1	Hóa	6.5	Sinh	7.7	B00	Đạt
21	Trần Thị Kiều	Tiên	25/10/1989	Nữ	Bình Dương		2NT	Toán	6.4	Hóa	6.0	Sinh	6.5	B00	Đạt
22	Trương Thị Ngọc	Thanh	1990	Nữ	Bình Dương		2	Toán	7.3	Lý	7.1	Sinh	7.0	A02	Đạt
23	Lư Thị Thu	Thảo	14/08/1995	Nữ	Sông Bé		2	Toán	7.8	Lý	6.4	Hóa	6.1	A00	Đạt
24	Đoàn Thị	Thương	10/01/1990	Nữ	Bình Dương		2NT	Toán	7.4	Hóa	7.6	Sinh	7.3	B00	Đạt
25	Trần Thị Thùy	Trang	25/09/1989	Nữ	Bình Dương		2	Toán	7.3	Hóa	7.1	Sinh	7.6	B00	Đạt
26	Dương Thị Mai	Trâm	26/12/1996	Nữ	Bình Dương		2NT	Toán	7.8	Lý	7.6	Hóa	6.8	A00	Đạt

Danh sách này có 26 thí sinh

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ THƯỜNG XUYÊN ĐỢT 2 NĂM 2017

NHÀNH: **NGÔN NGỮ ANH**
HỆ: **ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG** (Cao đẳng liên thông lên đại học)
HÌNH THỨC: **CHÍNH QUY**

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI	NƠI SINH	ĐT	KV	M1	Đ1	M2	Đ2	M3	Đ3	MÃ	KẾT QUẢ XÉT TUYỂN
1	Bùi Bằng	Biên	20/05/1987	Nam	Phú Thọ		2NT	Toán	8.3	Văn	7.1	Anh	6.8	D01	Đạt
2	Đặng Thị	Dung	10/02/1990	Nữ	Hà Tĩnh		2NT	Văn	7.6	Địa	7.5	Anh	7.0	D15	Đạt
3	Phan Thị	Hạnh	28/07/1994	Nữ	Hà Tĩnh		1	Toán	7.0	Văn	6.5	Anh	8.3	D01	Đạt
4	Vũ Thanh	Hồng	22/09/1996	Nữ	Cần Thơ		2	Văn	7.6	Địa	7.7	Anh	7.3	D15	Đạt
5	Nguyễn Thị Cẩm	Huệ	27/03/1996	Nữ	Khánh Hòa		2NT	Toán	8.4	Văn	7.9	Anh	8.8	D01	Đạt
6	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	14/04/1995	Nữ	Bình Dương		2NT	Toán	6.8	Lý	6.5	Anh	6.3	A01	Đạt
7	Lê Thị Mỹ	Linh	22/04/1992	Nữ	Gia Lai		1	Toán	8.3	Văn	7.0	Anh	6.4	D01	Đạt
8	Lê Thị Cẩm	Luyến	01/06/1994	Nữ	Bình Dương		2	Toán	7.1	Văn	7.2	Anh	8.1	D01	Đạt
9	Nguyễn Thị Hải	Nam	22/11/1995	Nữ	Tp.HCM		2	Văn	7.0	Địa	7.5	Anh	6.3	D15	Đạt
10	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	03/03/1992	Nữ	Sông Bé		2	Toán	6.5	Văn	7.0	Anh	7.2	D01	Đạt
11	Võ Hồng	Nhung	10/07/1988	Nữ	Sông Bé		2	Toán	6.7	Văn	6.3	Anh	7.3	D01	Đạt
12	Nguyễn Thị Kim	Oanh	16/10/1991	Nữ	Hưng Yên		2NT	Toán	7.9	Văn	7.1	Anh	8.2	D01	Đạt
13	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	21/03/1996	Nữ	Bình Dương		2NT	Toán	8.4	Văn	7.5	Anh	8.1	D01	Đạt
14	Nguyễn Thị Thu	Thủy	06/04/1993	Nữ	Sông Bé		2	Toán	7.6	Lý	6.8	Anh	7.0	A01	Đạt
15	Phạm Thị Minh	Thy	06/04/1995	Nữ	Đồng Nai		2	Văn	7.4	Địa	8.8	Anh	6.0	D15	Đạt

16	Phan Bích	Trâm	04/12/1996	Nữ	Tp.HCM		2	Toán	7.8	Văn	6.7	Anh	7.0	D01	Đạt
17	Nguyễn Thị Thu	Trang	20/06/1995	Nữ	Thái Bình		2NT	Toán	8.2	Địa	8.4	Anh	6.5	D15	Đạt
18	Nguyễn Hồ Nhã	Trúc	28/12/1995	Nữ	Bình Dương		2	Văn	6.8	Địa	7.4	Anh	6.7	D15	Đạt
19	Trần Thị Thanh	Tuyền	22/04/1994	Nữ	Sông Bé		2NT	Toán	6.4	Văn	7.0	Anh	6.1	D01	Đạt
20	Phùng Thị Kim	Tuyết	30/11/1995	Nữ	Bình Dương		2NT	Toán	6.7	Lý	6.7	Anh	6.7	A01	Đạt
21	Huỳnh Dương Tường	Vy	24/05/1996	Nữ	Bình Dương		2	Toán	6.0	Lý	7.5	Anh	9.1	A01	Đạt
22	Đỗ Thị	Xuân	03/03/1992	Nữ	Thanh Hóa		2NT	Toán	6.3	Lý	7.2	Anh	6.9	A01	Đạt

Danh sách này có 22 thí sinh

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

PGS-TS. Nguyễn Văn Hiện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ THƯỜNG XUYÊN ĐỢT 2 NĂM 2017

NHÀNH: **NGÔN NGỮ ANH**
HỆ: **ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2**
HÌNH THỨC: **VỪA LÀM VỪA HỌC**

STT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	GIỚI	NƠI SINH	ĐT	KV	Chuyên ngành	HTĐT	KẾT QUẢ XÉT TUYỂN
1	Huỳnh Ngọc	Diễm	13/08/1987	Nữ	Trà Vinh		1	SP Toán	Chính quy	Đạt
2	Lê Thị Mỹ	Dung	08/08/1994	Nữ	Bình Dương		2	Hệ thống thông tin	Chính quy	Đạt
3	Nguyễn Anh	Dũng	25/04/1985	Nam	Sông Bé		1	Sinh học	Chính quy	Đạt
4	Nguyễn Quang	Đức	27/03/1981	Nam	Bình Dương		2	Thiết kế máy	Chính quy	Đạt
5	Đặng Thị Thúy	Giang	09/04/1988	Nữ	Hà Tĩnh		1	SP Tin	Chính quy	Đạt
6	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	02/01/1991	Nữ	Khánh Hòa		2	Công nghệ KTXD	Chính quy	Đạt
7	Trần Hiếu	Hiệp	10/02/1990	Nam	Bình Dương		2	Công nghệ sinh học	Chính quy	Đạt
8	Phạm Xuân	Hoàng	06/09/1988	Nam	Bình Dương		2	KTĐT truyền thông	Chính quy	Đạt
9	Trần Thanh	Hùng	07/12/1985	Nam	Bình Dương		2NT	SP Sinh học	Chính quy	Đạt
10	Dương Thanh	Huyền	14/11/1990	Nữ	Thanh Hóa		2	SP Toán	Chính quy	Đạt
11	Phan Thành	Nhân	03/11/1982	Nam	Bình Dương		2	XDDD &Công nghiệp	Chính quy	Đạt
12	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Như	03/03/1995	Nữ	Bình Dương		2	QLTN &MT	Chính quy	Đạt
13	Phạm Ngọc	Tuấn	23/03/1985	Nam	Nghệ An		2NT	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	Đạt
14	Nguyễn Huỳnh Anh	Tuyết	22/09/1984	Nữ	Bình Dương		2	Quản lý môi trường	Chính quy	Đạt
15	Bùi Thị Mỹ	Trinh	25/12/1993	Nữ	Quảng Ngãi		1	Sinh học	Chính quy	Đạt
16	Nguyễn Tấn	Trung	01/01/1982	Nam	Bình Dương		2	Kỹ thuật điện, điện tử	Chính quy	Đạt
17	Nguyễn Phan Thanh	Xuân	02/02/1980	Nam	Quảng Ngãi		3	Cơ Khí	Chính quy	Đạt

Danh sách này có 17 thí sinh

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2018
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp